|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Chỉ số Silverman dùng để |
|  | Đánh giá suy tuần hoàn |
|  | Đánh giá tổn thương thần kinh |
| \* | Xác định mức độ gắng sức hô hấp |
|  | Xác định rối loạn chuyển hoá |
| End |  |
| 002 | Khi nào nghĩ đến nguyên nhân suy hô hấp do tim mạch. |
|  | Trẻ tím – thở oxi không hết tím |
| \* | Tím tái – tim có tiếng thổi |
|  | Trẻ tím tai - không bú được |
|  | Trẻ tím tái - tim nhanh |
| End |  |
| 003 | Đặc điểm suy hô hấp do xuất huyết não màng não gồm |
|  | Thở nhanh nông |
|  | Thở chậm |
| \* | Không đều và có cơn ngừng thở |
|  | Chậm sâu |
| End |  |
| 004 | Suy hô hấp do xuât huyết não màng não hay kèm theo |
|  | Thiếu máu |
|  | Hôn mê |
|  | Co giật |
| \* | Cả 3 ý trên |
| End |  |
| 005 | Xét nghiệm quan trọng nhất để chẩn đoán xuất huyết não màng não là |
|  | Siêu âm qua thóp |
| \* | Chọc dich não tủy xét nghiệm |
|  | Chụp cắt lớp |
|  | Chụp X-quang sọ |
| End |  |
| 006 | Bệnh thoát vị cơ hoành là nguyên nhân suy hô hấp |
|  | Tại phế quản |
|  | Tại phổi |
|  | Tại phế quản-phổi |
| \* | Ngoài phổi |
| End |  |
| 007 | Nguyên nhân viêm phổi sơ sinh hay gặp là: |
|  | Tụ cầu |
| \* | Salmonella |
|  | Virus |
|  | H.Influenza |
| End |  |
| 008 | Surfactant là chất: |
|  | Men |
|  | Nội tiết |
|  | Protein |
| \* | Lipid |
| End |  |
| 009 | Suy hô hấp trong bệnh phổi ướt có đặc điểm: |
| \* | Thở rất nhanh và nông |
|  | Co rút mạnh khoang liên sườn |
|  | Thở rên |
|  | Thở không đều |
| End |  |
| 010 | Để sàng lọc teo thực quản bẩm sinh cần làm: |
|  | Chụp XQ |
|  | Chụp nhấp nháy |
|  | Siêu âm |
| \* | Đặt sonde thực quản |
| End |  |
| 011 | Suy hô hấp trong bệnh màng trong là |
|  | Phổi bị ép |
|  | Phổi bị đông đặc |
| \* | Phế nang bị xẹp |
|  | Phổi còn nhiều nước |
| End |  |
| 012 | Khi đánh giá nhịp thở cần xem xét |
|  | Tần số thở |
|  | Thì khó thở |
|  | Nhịp điệu |
| \* | Tất cả đều đúng |
| End |  |
| 013 | Các dấu hiệu suy hô hấp gồm |
|  | Rối loạn nhịp thở |
|  | Gắng sức các cơ hô hấp |
|  | Tím tái |
| \* | Cả 3 đều đúng |
| End |  |
| 014 | Trong suy hô hấp có thể thấy |
|  | Vòm hoàng phẳng |
|  | Lồng ngực dãn |
|  | Gan bị đẩy xuống |
| \* | Tất cả đều đúng |
| End |  |
| 015 | Khám phổi phải tuân theo nguyên tắc |
|  | Gõ |
|  | Nghe |
|  | Nhìn |
| \* | Tất cả đều đúng |
| End |  |
| 016 | Cần làm ngay xét nghiệm nào khi trẻ bị suy hô hấp nhịp thở ngày càng chậm |
|  | Đo khí máu |
|  | Công thức máu |
| \* | Chụp phổi |
|  | Đường huyết |
| End |  |
| 017 | Bù kiềm tốt nhất dựa vào |
|  | Thở nhanh sâu |
|  | Tím tái |
|  | BE |
| \* | Dựa vào pH máu |
| End |  |
| 018 | Kháng sinh nên dược sử dụng trong trường hợp nào sau đây: |
| \* | Suy hô hấp - viêm phổi |
|  | Suy hô hấp xuất huyết não - màng não |
|  | Suy hô hấp - bệnh màng trong |
|  | Suy hô hấp - teo thực quản bẩm sinh |
| End |  |
| 019 | Phòng bệnh màng trong có thể |
|  | Thở oxy |
| \* | Mẹ dùng liều beta methazon |
|  | Điều trị viêm phổi cho con |
|  | Dùng Surfactant cho con |
| End |  |
| 020 | Surfactan được bài tiết vào thời điểm nào sau đây |
|  | 28 – 30 tuần |
|  | 31 – 32 tuần |
|  | 33 – 34 tuần |
| \* | >34 tuần |
| End |  |
| 021 | Yếu tố nào sau đây làm tăng bài tiết Surfactan |
| \* | Corticoid |
|  | Mẹ đái đường |
|  | Mẹ nhiễm khuẩn |
|  | Suy hô hấp mạn tính |
| End |  |
| 022 | Bản chất của bệnh màng trong và chậm tiêu dịch phổi là |
|  | Suy hô hấp sau sinh |
| \* | Do suy giảm Surfactan |
|  | Có dịch trong phổi |
|  | Chủ yếu do xẹp phế nang |
| End |  |
| 023 | Theo XQuang teo thực quản bẩm sinh có mấy thể |
|  | 2 thể |
|  | 3 thể |
|  | 4 thể |
| \* | 5 thể |
| End |  |
| 024 | Thoát vị cơ hoành có nghĩa là tạng ổ bụng chui lên qua cơ hoành vào |
|  | Phổi |
|  | Trung thất |
| \* | Màng phổi |
|  | Màng tim |
| End |  |
| 025 | Trẻ có điểm Sylverman 8 điểm là suy hô hấp mức độ nào |
|  | Vừa |
| \* | Nặng |
|  | Nhẹ |
|  | Rất nặng |
| End |  |